

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KON RẪY

PHƯƠNG ÁN

**BỐ TRÍ SỬ DỤNG ĐẤT ĐƯỢC UBND TỈNH THU HỒI CỦA CÁC TỔ
CHỨC BÀN GIAO VỀ ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ BỐ TRÍ, SỬ DỤNG
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KON RẪY**

KON RÁY, THÁNG 08 NĂM 2023

PHẦN MỞ ĐẦU

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XIX, Đảng bộ huyện Kon Rẫy xác định: Phát huy lợi thế rừng và đất rừng để phát triển kinh tế lâm nghiệp. Thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng gắn với tạo sinh kế, nâng cao thu nhập và làm giàu từ rừng cho người dân, cộng đồng dân cư; gắn việc quản lý bảo vệ và phát triển rừng với phát triển du lịch sinh thái; khuyến khích người dân nhận khoán và trồng rừng, lựa chọn cơ cấu cây trồng có năng suất, chất lượng, chu kỳ kinh doanh ngắn; các loại cây gỗ quý hiếm; đẩy mạnh trồng rừng nguyên liệu theo quy hoạch gắn với thu hút nhà máy chế biến lâm sản; phấn đấu đến năm 2025 trồng thêm mới được 1.500 ha rừng, 1.500 cây ăn quả,... Như vậy, việc phát triển nông, lâm nghiệp bền vững gắn với phát triển kinh tế lâm nghiệp đã được Đảng bộ huyện quan tâm.

Toàn huyện với 6 xã và 01 thị trấn, có tổng diện tích tự nhiên 91.390,34 ha, trong đó: diện tích đất được UBND tỉnh thu hồi của các tổ chức bàn giao về địa phương quản lý, sử dụng là 8.925,17 ha. Nhằm quản lý tốt phần diện tích đất trên, cần có phương án sử dụng đất cụ thể, bố trí mục đích sử dụng đất hợp lý và khoa học.

Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và môi Trường phối hợp các ngành, UBND các xã thị trấn tiến hành rà soát quỹ đất và xây dựng phương án bố trí sử dụng đất được UBND tỉnh thu hồi của các tổ chức bàn giao về địa phương quản lý, sử dụng là nhiệm vụ quan trọng, theo đó là việc thực hiện một trong những chức năng quản lý đất đai, phát huy được nguồn lực đất đai trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh ở địa phương.

Sau thời gian tổ chức triển khai thực hiện. Đến nay các đơn vị, địa phương đã hoàn thành công tác rà soát quỹ đất và xây dựng phương án bố trí sử dụng đất được UBND tỉnh thu hồi của các tổ chức bàn giao về địa phương quản lý, sử dụng trên địa bàn huyện Kon Rẫy.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Văn bản quy phạm pháp luật Trung ương

- Luật Đất đai số: 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;
- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017 của Quốc Hội khóa XIV;
- Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty Nông, Lâm nghiệp; Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng;

- Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty Nông, Lâm nghiệp;

- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BNNPTNT ngày 26/10/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều thi hành luật lâm nghiệp;

- Văn bản số 1179/TCQLĐĐ-CQHĐĐ ngày 16/8/2021 của Tổng cục Quản lý đất đai về việc hướng dẫn tháo gỡ vướng mắc trong việc thu hồi đất khi thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Căn cứ Kết luận thanh tra số 1595/KL-TTCTP ngày 14/9/2022 của Thanh tra Chính phủ về việc thực hiện pháp luật quản lý, sử dụng đất đai và quản lý, đầu tư xây dựng; thanh tra các dự án, công trình có dấu hiệu vi phạm pháp luật về quy hoạch, quản lý, sử dụng đất đai tại đô thị và thanh tra việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Văn bản Địa phương

- Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Quy hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2020;

- Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc Sửa đổi, bổ sung điểm 3.1, khoản 3, Điều 1 Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2020;

- Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 09/9/2015 của UBND tỉnh Kon Tum thu hồi đất của Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Kon Rẫy bàn giao về địa phương quản lý;

- Quyết định số 434/QĐ-UBND ngày 03/7/2015 của UBND tỉnh Kon Tum về việc thu hồi đất của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy bàn giao về địa phương quản lý;

- Quyết định số 1300/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Kon Tum về việc thu hồi đất của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Kon Tum bàn giao về địa phương quản lý;

- Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của UBND tỉnh Kon Tum thu hồi của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Duy Tân bàn giao về địa phương quản lý;

- Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 của UBND tỉnh Kon Tum về việc thu hồi đất của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy bàn giao về địa phương quản lý;

- Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh Kon Tum về việc thu hồi đất của Công ty Nguyên liệu giấy Miền Nam bàn giao về địa phương quản lý;

- Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của UBND tỉnh Kon Tum về việc thu hồi đất của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Duy Tân bàn giao về địa phương quản lý;

- Quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của UBND tỉnh Kon Tum: 13,51ha; Quyết định số 1005/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc thu hồi đất của Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum bàn giao về địa phương quản lý;

- Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của UBND tỉnh Kon Tum của UBND tỉnh Kon Tum về việc thu hồi đất của Công ty Cổ phần Sâm Ngọc Linh bàn giao về địa phương quản lý;

- Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 6/8/2020 của UBND tỉnh Kon Tum của UBND tỉnh Kon Tum về việc thu hồi đất của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hinh bàn giao về địa phương quản lý;

- Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 29/8/2016 của UBND tỉnh Kon Tum về việc thu hồi đất của Công ty Cổ phần Sài Gòn Măng Đen bàn giao về địa phương quản lý;

- Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 25/04/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng tỉnh Kon Tum năm 2022;

- Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 09/03/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy về việc phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng huyện Kon Rẫy năm 2022;

- Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 22/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum;

- Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Kon Rẫy;

- Kế hoạch số 4416/KH-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh Kon Tum về khắc phục các hạn chế, khuyết điểm và tổ chức thực hiện Kết luận số 1595/KL-TTCTP ngày 14/9/2022 của Thanh tra Chính phủ;

- Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 19/01/2023 của UBND huyện về Kế hoạch khắc phục các hạn chế, khuyết điểm và tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra số 1595/KL-TTCTP ngày 14/9/2022 của Thanh tra Chính phủ.

- Thông báo số 532-TB/HU ngày 27/06/2023 của Ban Thường vụ huyện ủy về việc thông báo kết luận của Ban thường vụ huyện ủy về phương án bố trí sử dụng đất được UBND tỉnh thu hồi của các tổ chức và bàn giao cho địa phương quản lý, sử dụng;

- Nghị Quyết số 25/NQ-HĐND ngày 14/07/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Kon Rẫy về việc Thông qua Phương án bố trí sử dụng đất được Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi của các tổ chức bàn giao về địa phương quản lý, sử dụng trên địa bàn huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum;

3. Tài liệu sử dụng

- Bản đồ Kiểm kê rừng năm 2014;

- Bản đồ Diễn biến rừng năm 2022;

- Bản đồ Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2020 tỉnh Kon Tum;

- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum;

- Các tài liệu liên quan khác.

PHẦN I

KHÁI QUÁT CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ ÁN

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý

Huyện Kon Rẫy nằm phía Đông Nam tỉnh Kon Tum, có vị trí địa lý và ranh giới hành chính như sau:

- Tọa độ địa lý:

+ Vĩ độ Bắc: Từ 14019'55'' đến 14046'10''.

+ Kinh độ Đông: Từ 108003'45'' đến 108022'40''.

- Vị trí địa lý:

+ Phía Bắc giáp huyện Đắk Hà và huyện Kon Plông;

+ Phía Đông giáp tỉnh Gia Lai và huyện Kon Plông;

+ Phía Nam giáp tỉnh Gia Lai;

+ Phía Tây giáp huyện Đăk Hà và thành phố Kon Tum.

Nhìn chung, Kon Rẫy có vị trí quan trọng về giao lưu kinh tế, xã hội và môi trường sinh thái, là cửa ngõ của tỉnh Kon Tum với các tỉnh duyên hải miền Trung qua quốc lộ 24.

Quốc lộ 24 nối từ thành phố Kon Tum đến đi qua huyện đến Quảng Ngãi, mạch giao thông khá quan trọng nối phía Bắc Tây nguyên với các tỉnh đồng bằng. Huyện còn là nơi đầu nguồn của các hệ thống sông lớn nên có vị trí quan trọng về bảo vệ môi trường sinh thái cũng như phát triển các thủy điện nhỏ và vừa.

2. Địa hình địa mạo: Địa hình của huyện mang những nét đặc trưng của địa hình vùng Tây nguyên với các dạng địa hình như bậc núi thấp, sông hồ, địa hình dốc.

2.1. Phân loại địa hình theo cao độ: Huyện Kon Rẫy có địa hình nhìn chung là bậc núi thấp với dạng địa hình núi trung bình. Toàn huyện chia làm 3 dạng địa hình chính:

- Địa hình núi cao dốc: Chiếm 82,76% tổng diện tích tự nhiên của huyện, phân bố chủ yếu ở các xã Đăk PNe, Đăk Kôi, xã Đăk Tơ Lung và phía Bắc xã Đăk Ruồng. Độ cao trung bình 900 - 1.200 m, độ dốc trên 200. Đây là dạng địa hình hiểm trở với những đỉnh núi cao gần 2.000 m. Dạng địa hình này chủ yếu thích hợp phát triển nguồn tài nguyên rừng.

- Địa hình đồi gò: Chiếm 11,72% tổng diện tích tự nhiên của huyện. Đây là dạng địa hình tiếp giáp giữa dạng địa hình núi cao và địa hình thung lũng đồng bằng thuộc địa bàn: Phía Tây xã Đăk Ruồng, phía Bắc xã Đăk Tơ Re, xã Tân Lập, phía Nam xã Đăk Tơ Lung độ dốc 80 - 150 thích hợp cho phát triển các loại cây công nghiệp.

- Địa hình thung lũng đồng bằng: Chiếm 5,52% tổng diện tích tự nhiên, phân bố rải dọc theo hệ thống các sông Đăk Blà, Đăk AKôi, Đăk SNghé, Đăk PNe. Dạng địa hình này chủ yếu ở độ cao 580 - 620 m, độ dốc < 80, diện tích không lớn nhưng có điều kiện thuận lợi cho việc phát triển sản xuất nông nghiệp, nhất là lúa nước và bố trí dân cư.

2.2. Phân loại địa hình theo độ dốc

- Địa hình bằng độ dốc dưới 15o: Chiếm 15% tổng diện tích tự nhiên chủ yếu nằm ở độ cao từ cao 600-800 m, phân bố Phía Tây xã Đăk Ruồng, phía Bắc xã Đăk Tơ Re, xã Tân Lập, xã Đăk Tơ Lung và phân bố rải dọc theo hệ thống các sông Đăk Blà, Đăk AKôi, Đăk SNghé, Đăk PNe.

- Địa hình trung bình (15-25o), Chiếm 20% tổng diện tích tự nhiên chủ yếu ở độ cao 800-1.000 m, phân bố ở các xã Đăk PNe, Đăk Kôi và phía Bắc xã Đăk Ruồng.

- Địa hình dốc (Trên 25o), chiếm khoảng 65% tổng diện tích tự nhiên, phân bố chủ yếu ở các xã Đăk PNe, Đăk Kôi và phía Bắc xã Đăk Ruồng.

Nhìn chung, địa hình của huyện khá phức tạp, chia cắt mạnh, ảnh hưởng rất lớn đến chi phí, suất đầu tư cơ sở hạ tầng.

3. Khí hậu: Theo số liệu quan trắc của Trạm khí tượng Kon Rẫy, đặc điểm khí hậu khu vực huyện Kon Rẫy như sau:

- Nhiệt độ không khí: Chế độ nhiệt tại huyện Kon Rẫy là chế độ nhiệt đới gió mùa cao nguyên. Nền nhiệt trung bình trong năm (8.000-8.5000C), nhưng có sự phân hóa rõ rệt giữa các vùng theo độ cao, thông thường khi lên cao 100m, nhiệt độ không khí giảm từ 0,5-0,6oC. Nhiệt độ không khí tại huyện Kon Rẫy thấp nhất vào tháng 12, tháng 1 (trung bình 19oC); đạt cao nhất vào tháng 3, 4, 5.

- Chế độ mưa: Mùa mưa bắt đầu từ tháng 05 đến tháng 10 là do tác động của gió mùa Tây Nam mang lại. Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau do tác động trực tiếp của gió mùa Đông Bắc là mùa khô. Lượng mưa tại các khu vực có địa hình khác nhau cũng khác nhau. Tại khu vực Đông Bắc huyện, do có địa hình núi cao đón gió Tây Nam, do vậy lượng mưa lớn hơn phổ biến đạt trên 2.000 mm. Khu vực còn lại của huyện phổ biến là địa hình núi thấp, thung lũng, có độ cao 600-800m, có lượng mưa phổ biến là 1.900-2.000mm.

- Độ ẩm không khí: Tại huyện Kon Rẫy, khu vực Đông Bắc có địa hình núi cao, mưa nhiều, do vậy có độ ẩm lớn hơn khu vực phía Tây Nam huyện. Độ ẩm thấp nhất xảy ra vào tháng 3, phổ biến từ 72-73%, cao nhất xảy ra vào các tháng 7, 8, 9, 10; phổ biến là 89-90%.

- Tổng số giờ nắng: Tại khu vực Đông Bắc huyện do địa hình núi cao nên sương mù, mây nhiều do vậy có số giờ nắng thấp hơn (khoảng 2.000-2.100 giờ/năm), khu vực phía còn lại của huyện có số giờ nắng cao hơn (khoảng 2.100-2.200 giờ/năm).

4. Thủy văn: Trên địa bàn huyện Kon Rẫy có sông Đăk Blà là một nhánh sông chính của hệ thống sông Sê San chảy qua địa bàn các xã Đăk Ruông, Đăk Tơ Re. Sông Đăk Blà có 3 nhánh lớn.

- Nhánh Đăk PNe gồm nhiều suối nhỏ chảy qua địa bàn các xã Đăk PNe, Tân Lập và thị trấn Đăk Rve.

- Nhánh Đăk SNGhé chảy qua địa bàn xã Đăk Ruông.

- Nhánh Đăk A Kôi chảy qua địa bàn xã Đăk Kôi và Đăk Ruông.

Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn rất nhiều suối nhỏ phân bố khắp huyện.

Như vậy, hệ thống thủy văn trên địa bàn huyện phân bố khá đồng đều với lượng nước cung cấp tương đối dồi dào. Tuy nhiên, do hạn chế về địa hình và sự phân bố lượng mưa không đồng đều theo mùa nên gây ảnh hưởng không nhỏ tới sản xuất và đời sống nhân dân.

II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ XÃ HỘI

1. Về kinh tế: Tổng giá trị sản xuất đạt 1.740 tỷ đồng đạt 103% kế hoạch, tăng 12,8% so với cùng kỳ; trong đó: Nông lâm - Thủy sản tăng 9,1%, Công nghiệp - Xây dựng tăng 19,2%, Thương mại - Dịch vụ tăng 12,4% so với cùng kỳ. Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 32,1 triệu đồng. năm 2021 lên 34,95 triệu đồng đạt 101% kế hoạch, tăng 8,9% so với cùng kỳ Dân số trung bình trên địa bàn huyện Kon Rẫy là 29.585 người với 7.120 hộ; hộ đồng bào DTTS là 4.621 hộ; hộ nghèo là 1.924 hộ, chiếm tỷ lệ 27,02%; hộ đồng bào DTTS nghèo là 1.834 hộ, chiếm tỷ lệ 39,69% so với tổng số hộ dân tộc thiểu số toàn huyện

1.1. Tiền tệ và tín dụng: Tổng nguồn vốn huy động 907.847, đạt 105% kế hoạch, tăng 14% so với cùng kỳ; dư nợ tín dụng 1.278.380 triệu đồng đạt 98% kế hoạch, tăng 20,8% so với cùng kỳ; nợ xấu 8.265 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,64%/tổng dư nợ. Các tổ chức tín dụng chấp hành tốt các quy định về lãi suất huy động.

1.2. Thu - chi ngân sách

- Tổng thu ngân sách địa phương thực hiện 380.739 triệu đồng, đạt 153,5% dự toán và tăng 31,6% so với cùng kỳ; thu địa bàn 106.750 triệu đồng, đạt 170,9% dự toán, tăng 46,6% so với cùng kỳ (*thu điều tiết ngân sách huyện hưởng 83.269 triệu đồng đạt 186,6% dự toán và tăng 41,5% so với cùng kỳ*); thu bổ sung từ ngân sách cấp trên 258.738 triệu đồng; thu chuyển nguồn 37.463 triệu đồng, kết dư 1.269 triệu đồng.

- Tổng chi ngân sách địa phương là 380.739 triệu đồng đạt 100% nhiệm vụ chi và tăng 32,1% so với cùng kỳ.

- Công tác thu hồi nợ đọng thuế được tích cực triển khai. Tổng số nợ đọng thuế trên địa bàn huyện đến ngày 31/12/2021 là 2.267 triệu đồng, phát sinh nợ năm 2022 là 452 triệu đồng. Đến nay đã thu được 517 triệu đồng, số nợ thuế còn lại 2.202 triệu đồng; ước thực hiện đến 31/12/2022, tổng số nợ thuế 1.787 triệu đồng (*giảm 21% so với cùng kỳ*); trong đó, nợ có khả năng thu là 1.690 triệu đồng, nợ khó thu là 97 triệu đồng. Qua rà soát tình trạng nợ thuế, huyện đã chỉ đạo Chi Cục thuế khu vực số 01 tiếp tục theo dõi, đôn đốc thu hồi nợ thuế theo quy định của Luật quản lý thuế.

- Công tác xây dựng nông thôn mới được triển khai quyết liệt ngay từ đầu năm. Toàn huyện có 04 xã (*Đăk Ruồng, Tân Lập, Đăk Tơ Lung, Đăk Tờ Re*) đạt chuẩn nông thôn mới. Tổng số tiêu chí đã đạt toàn huyện là 105/114 tiêu chí, đạt 92,11%, bình quân đạt 17,5 tiêu chí/xã. Xã Tân Lập đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao; thôn 3, xã Tân Lập đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu. Huyện tập trung huy động các nguồn lực tổ chức thực hiện nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt chuẩn, phấn đấu đến cuối năm 2022: Xã Tân Lập đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu; xã Đăk Ruồng đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao; thôn 9, xã Đăk Ruồng đạt chuẩn thôn nông thôn mới kiểu mẫu; 08 thôn đạt chuẩn thôn (*làng*) nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đạt chuẩn tăng thêm 02 tiêu chí (*01 tiêu chí tại xã Đăk Pnê và 01 tiêu chí tại xã Đăk Kôi*).

1.5. Công tác quản lý quy hoạch và thực hiện quy hoạch

- Công tác quản lý trật tự đô thị, vệ sinh môi trường trên địa bàn huyện trong thời gian qua được chú trọng, từng bước nâng cao, cơ bản đảm bảo trật tự và thiết lập kỷ cương trong công tác quản lý quy hoạch. Triển khai kiểm tra, rà soát hệ thống cầu treo dân sinh trên địa bàn huyện để có phương án sửa chữa.

- Triển khai thực hiện các nội dung tại Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của UBND tỉnh về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện; quản lý việc sử dụng đất theo đúng quy hoạch UBND tỉnh đã phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 tại Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 22/03/2022..

- Công tác lập, thẩm định và quản lý quy hoạch được tích cực thực hiện, đảm bảo về chất lượng, đáp ứng tốt yêu cầu quản lý và đã phát huy tác dụng tốt trong việc định hướng, làm cơ sở phân bổ nguồn lực hợp lý cho sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

2. Phát triển các ngành kinh tế

2.1 Nông - lâm - thủy sản

- Tổng diện tích gieo trồng 12.793 ha/12.752 ha, đạt 100,3% kế hoạch; trong đó, diện tích gieo trồng cây hàng năm 6.787 ha/6.817 ha, đạt 99,5% kế hoạch (*giảm 479, ha so với cùng kỳ*), diện tích cây lâu năm đạt 5.867 ha/5.820 ha, đạt 100,8% kế hoạch (*tăng 507 ha so với cùng kỳ*). Đã thu hoạch cây lúa vụ Đông Xuân với diện tích 523ha/522 ha, đạt 100,16% kế hoạch (*giảm 05 ha so với cùng kỳ*), năng suất bình quân đạt 63,37 tạ/ha, sản lượng đạt 3.313 tấn. Diện tích cây khác 3.143 ha/3.233 ha, đạt 97,2% kế hoạch (*tăng 611 ha so với cùng kỳ*). Đã trồng mới 410,9 ha cây ăn quả, đạt 108,1% kế hoạch, diện tích chủ yếu được trồng xen trong vườn cà phê, trồng trong vườn nhà và cải tạo vườn tạp gồm các loại cây: Bơ, Mít, Chuối, Sầu riêng và chanh dây (*trong đó: Các xã, thị trấn là 170,9 ha; Công ty TNHH Nông nghiệp sạch Tây Nguyên là 240 ha*). Đã trồng mới 80,4 ha cây mắc ca, đạt 100,4% kế hoạch; trồng mới 56,8 ha cây dược liệu đạt 120,9% kế hoạch. Tình hình sâu bệnh hại trên các loại cây trồng trên địa bàn huyện trong thời gian qua ở mức thấp và được phòng, trừ kịp thời, đạt hiệu quả.

- Đến nay, tổng đàn gia súc, gia cầm là 120.210 con/118.279 con, đạt 101,6% kế hoạch, tăng 6.803 con so với cùng kỳ. Triển khai thực hiện nghiêm túc và kịp thời sự chỉ đạo của ngành, cấp trên về phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm; vì vậy, từ đầu năm đến nay không phát hiện dịch bệnh nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm. Bên cạnh đó, từ nguồn vốn khoa học công nghệ, huyện đã triển khai thực hiện mô hình chăn nuôi bò cái nền sinh sản tại xã Đăk Pnê với tổng kinh phí 135 triệu đồng/07 hộ tham gia. Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản là 61 ha/61 ha, đạt 100% kế hoạch, trong đó: Diện tích nuôi ao hồ nhỏ 34 ha; diện tích nuôi ao hồ lớn 27 ha; sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 191 tấn/191 tấn, đạt 100% kế hoạch, tăng 9 tấn so với cùng kỳ; sản lượng khai

thác thủy sản 12 tấn, đạt 92,3% kế hoạch.

- Công tác quản lý bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng, vận chuyển lâm sản trái pháp luật được tăng cường. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững. Đã trồng mới 437,1ha rừng, đạt 102,8% kế hoạch. Tổ chức trồng 64.000 cây phân tán, tạo môi trường cảnh quan góp phần xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã, thị trấn. Đối với diện tích đất trống tại khu vực đèo Măng Đen đã được thống kê, rà soát để trồng rừng tập trung và trồng cây phân tán đảm bảo theo kế hoạch đề ra. Rà soát diện tích rừng để khoanh nuôi bảo vệ tái sinh rừng với tổng diện tích 832 ha, vượt 66,4% kế hoạch.

2.2 Công nghiệp - xây dựng

- Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 512 tỷ đồng. Tiềm năng, thế mạnh về thủy điện được khai thác và phát huy hiệu quả; đã có 06 công trình thủy điện vừa và nhỏ hoàn thành, đưa vào khai thác với tổng công suất 37,6 MW, đóng góp vào thu ngân sách huyện khoảng 8,1 tỷ đồng.

- Công tác quản lý nhà nước về trật tự xây dựng được chỉ đạo thường xuyên, kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm trật tự xây dựng và vi phạm hành lang an toàn đường bộ. Công tác chỉnh trang đô thị, thực hiện 03 lĩnh vực đột phá phát triển kinh tế - xã hội được quan tâm chỉ đạo thường xuyên; các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đảm bảo các nội dung chỉ đạo của UBND huyện tại Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 18/02/2022.

- Công tác quản lý trật tự đô thị trên địa bàn huyện trong thời gian qua được chú trọng, từng bước nâng cao, cơ bản đảm bảo trật tự và thiết lập kỷ cương trong công tác quản lý quy hoạch. Triển khai kiểm tra, rà soát hệ thống cầu treo dân sinh trên địa bàn huyện để có phương án sửa chữa.

- Hoàn thành dự thảo phương án bán đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất các trụ sở cũ tại thị trấn Đắk Rve, hiện đang hoàn thiện các bước tiếp theo để phối hợp tổ chức bán đấu giá theo thẩm quyền.

2.3 Thương mại - dịch vụ

- Tình hình thị trường và giá cả hàng hóa trên địa bàn huyện diễn ra cơ bản ổn định, lượng hàng hóa được chuẩn bị để phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong dịp Tết Nguyên đán 2022 khá dồi dào; trong những ngày giáp Tết giá cả thị trường có tăng nhẹ một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu nhưng sau đó giảm dần và ổn định trở lại, hàng hóa đáp ứng nhu cầu mua sắm của Nhân dân. Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ năm 2022 dự tính đạt 137 tỷ đồng, đạt 100,1% kế hoạch, tăng 2,3% so với cùng kỳ.

- Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường và xử lý các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại được tăng cường. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*” và Chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

2. Về văn hóa xã hội

- Công tác vận động người dân tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được chỉ đạo thực hiện. Đến nay, tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 97,15% đạt 100%, tỷ lệ bao phủ BHXH 18,62% đạt 100%, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm thất nghiệp 9,41% đạt 100%. Công tác giải quyết việc làm cho người lao động được chú trọng. Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn được tiếp tục triển khai thực hiện.

- Các chế độ, chính sách bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đặc biệt. Công tác giảm nghèo được quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả, kết quả: Số hộ nghèo còn lại đến cuối năm 2022 là 1.257 hộ, chiếm tỷ lệ 16,88%; hộ cận nghèo 915 hộ, chiếm tỷ lệ 12,29% (*chuẩn nghèo theo Nghị định 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ*); tỷ lệ hộ nghèo giảm vượt chỉ tiêu đề ra, giảm từ 24,86% xuống còn 16,88% vào cuối năm 2022 (*giảm 7,98%*).

- Công tác giải quyết đất ở, đất sản xuất cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục được chú trọng, đến nay, tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số có đất ở khoảng 99,81% đạt 102,8% kế hoạch; tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số có đất sản xuất khoảng 99,58%, đạt 102,5% kế hoạch.

- Quy mô trường lớp được đầu tư, nâng cấp ngày càng khang trang, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của người dân. Tỷ lệ học sinh ra lớp ngày càng tăng, năm học 2021-2022 tổng số học sinh các cấp ra lớp là 8.952 học sinh (*tăng 475 học sinh so với cùng kỳ*); tuy nhiên, học sinh bỏ học vẫn còn diễn ra, năm học 2021-2022 có 56 học sinh bỏ học. Chất lượng giáo dục có sự chuyển biến tích cực. Chương trình giáo dục phổ thông mới được quan tâm triển khai. Năm học 2022-2023, tổng số học sinh ra lớp các cấp, bậc học là 8.957 học sinh, đạt 100% kế hoạch. Bên cạnh đó, huyện đã tổ chức kỳ thi tuyển dụng 30 chỉ tiêu viên chức ngành giáo dục năm 2022; đã có 52 thí sinh dự tuyển, kết quả trúng tuyển 26 thí sinh/52 thí sinh, hiện đang tiếp nhận hồ sơ và phân công công tác cho các thí sinh trúng tuyển theo quy định.

- Chất lượng khám, chữa bệnh được nâng cao, chú trọng đến sự hài lòng của người bệnh, đảm bảo an toàn cho người dân trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19; công tác tiêm chủng mở rộng được triển khai thường xuyên tại 100% xã, thị trấn; việc đưa bác sỹ về cơ sở, luân phiên cán bộ y tế cho cơ sở y tế tuyến dưới bước đầu đáp ứng nhu cầu khám, điều trị cho bệnh nhân tuyến cơ sở. Trang thiết bị phục vụ cho công tác khám bệnh, chữa bệnh được quan tâm đầu tư, ngày càng đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chuyển đổi hành vi về dân số, kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản, tổ chức và cung cấp chiến dịch sức khỏe sinh sản tại các xã, thị trấn. Công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm tiếp tục được chú trọng, từ đầu năm đến nay không ghi nhận vụ ngộ độc thực phẩm trên địa bàn. Toàn huyện có 7/7 xã được công nhận đạt Bộ Tiêu chí quốc gia y tế xã, chiếm tỷ lệ 100%.

- Luôn bám sát nội dung định hướng tuyên truyền, thông tin phản ánh kịp thời và toàn diện trên tất cả các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh; đẩy mạnh công tác tuyên truyền các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh, huyện. Công tác phát sóng được tiếp tục duy trì. Tổ chức thành công Đại hội thể dục thể thao và tham gia đầy đủ các hoạt động thể thao do tỉnh tổ chức.

- Công tác bảo tồn, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc và các di tích lịch sử cách mạng đã được xếp hạng trên địa bàn huyện được quan tâm chỉ đạo. Hoạt động văn hóa đọc ngày càng chú trọng. Các di tích lịch sử cách mạng được bảo tồn, phát huy. Phong trào thể dục thể thao được đẩy mạnh. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ngày càng đi vào chiều sâu. Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo được tăng cường; các tôn giáo cơ bản chấp hành theo đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Đánh giá chung:

Tình hình thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 tiếp tục đạt được nhiều kết quả, nhiều chỉ tiêu quan trọng đạt và vượt kế hoạch đề ra (*như, thu ngân sách nhà nước tại địa bàn; trồng cây ăn quả, cây mắc ca, trồng rừng sản xuất....*); phân bổ kịp thời nguồn vốn và huy động, lồng ghép các nguồn lực để triển khai thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn; các chế độ, chính sách về an sinh xã hội và giảm nghèo được triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định; cơ sở vật chất giáo dục được quan tâm, đầu tư, chất lượng ngày được nâng lên; hoạt động tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19 được đẩy mạnh và đạt tỷ lệ cao; tình hình dịch bệnh tương đối ổn định, kiểm soát tốt; chất lượng khám, chữa bệnh được cải thiện; các loại hình di sản văn hóa truyền thống được gìn giữ và duy trì phát huy hiệu quả; cải cách thủ tục hành chính được chỉ đạo quyết liệt; công tác thanh tra, kiểm tra được triển khai nghiêm túc, giải quyết khiếu nại, tố cáo đảm bảo kịp thời, đúng quy định; kỷ luật, kỷ cương hành chính được chú trọng; quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

Bên cạnh những kết quả đạt được, còn một số tồn tại, hạn chế đó là: Tình trạng tảo hôn vẫn còn xảy ra. Một số cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu triển khai thực hiện một số nhiệm vụ còn chậm, chất lượng, hiệu quả công việc chưa cao.

(theo Báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu kinh tế- xã hội, quốc phòng- an ninh năm 2022 của UBND huyện Kon Rẫy).

III. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ ĐẤT ĐƯỢC UBND TỈNH UBND TỈNH THU HỒI BÀN GIAO VỀ ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

- 1. Tổng diện tích tự nhiên:** 91.390,34 ha.
- 2. Diện tích rừng và đất lâm nghiệp:** 76.818,31 ha.
- 3. Tổng diện tích đất có rừng:** 60.183,32 ha, trong đó:

+ Tổng diện tích rừng trồng: 3.365,06 ha (*diện tích rừng trồng cao su, đặc sản: 406,60 ha*).

+ Tổng diện tích rừng tự nhiên: 56.818,26 ha;

4. Độ che phủ rừng: Độ che phủ rừng của huyện Kon Rẫy tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 đạt 65,90%.

5. Tổng diện tích UBND tỉnh thu hồi, bàn giao về địa phương quản lý là 8.925,17 ha, gồm: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy (4.002,82 ha), Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Kon Rẫy (1.944,59 ha), Công ty cổ phần đầu tư phát triển Duy Tân (1.273,03 ha), Công ty Nguyên liệu giấy Miền Nam (32,94 ha), Công ty Cổ phần Sâm Ngọc Linh (1.011,74 ha), Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum (121,61 ha), Công ty Cổ phần Sài Gòn Măng Đen (394,0 ha), Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hinh (21,44 ha), Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Kon Tum (123,0 ha); cụ thể từng địa phương:

- **Xã Đăk Ruồng:** Diện tích đất UBND tỉnh thu hồi, bàn giao về địa phương quản lý là **501,8 ha** thuộc đất thu hồi của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Duy Tân (*Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của UBND tỉnh Kon Tum*).

- **Thị trấn Đăk Rve:** Diện tích đất UBND tỉnh thu hồi, bàn giao về địa phương quản lý là **613,22 ha** thuộc đất thu hồi của Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Kon Rẫy (*Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 09/9/2015 của UBND tỉnh Kon Tum*).

- **Xã Đăk Pnê:** Diện tích đất UBND tỉnh thu hồi, bàn giao về địa phương quản lý là **1.555,54 ha** thuộc đất thu hồi của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy (*Quyết định số 434/QĐ-UBND ngày 03/7/2015 của UBND tỉnh Kon Tum: 1.542,65 ha; Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 của UBND tỉnh Kon Tum: 12,89 ha*).

- **Xã Đăk Tô Re:** Diện tích đất UBND tỉnh thu hồi, bàn giao về địa phương quản lý là **1.590,32 ha** thuộc đất thu hồi của Công ty Nguyên liệu giấy Miền Nam (*Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh Kon Tum: 4,68 ha*); Ban Chỉ huy quân sự tỉnh Kon Tum (*Quyết định số 1300/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Kon Tum: 123,0 ha*); Công ty cổ phần đầu tư phát triển Duy Tân (*Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của UBND tỉnh Kon Tum: 771,23 ha*); Công ty Cổ phần Sâm Ngọc Linh (*Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của UBND tỉnh Kon Tum: 569,81 ha*); Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum (*Quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của UBND tỉnh Kon Tum: 13,51ha; Quyết định số 1005/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của UBND tỉnh Kon Tum: 108,1ha*).

- **Xã Đăk Kôi:** Diện tích đất UBND tỉnh thu hồi, bàn giao về địa phương quản lý là **1.856,22 ha** thuộc đất thu hồi của Công ty Nguyên liệu giấy Miền Nam (*Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh Kon Tum:15,26 ha*); Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy (*Quyết định số*

434/QĐ-UBND ngày 03/7/2015 của UBND tỉnh Kon Tum: 488,15 ha); Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Kon Rẫy (Quyết định số 685/QĐ-UBND ngày 09/9/2015 của UBND tỉnh Kon Tum: 1331,37ha); Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hinh (Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 6/8/2020 của UBND tỉnh Kon Tum: 21,44ha).

- **Xã Đăk Tơ Lung:** Diện tích đất UBND tỉnh thu hồi, bàn giao về địa phương quản lý là **452,76 ha** thuộc đất thu hồi của Công ty Nguyên liệu giấy Miền Nam (Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh Kon Tum: 10,83 ha); Công ty Cổ phần Sâm Ngọc Linh (Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của UBND tỉnh Kon Tum: 441,93 ha).

- **Xã Tân Lập:** Diện tích đất UBND tỉnh thu hồi, bàn giao về địa phương quản lý là **2.355,31 ha** thuộc đất thu hồi của Công ty Nguyên liệu giấy Miền Nam (Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh Kon Tum: 2,18 ha); Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy (Quyết định số 434/QĐ-UBND ngày 03/7/2015 của UBND tỉnh Kon Tum: 1959,13 ha); Công ty Cổ phần Sài Gòn Măng Đen (Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 29/8/2016 của UBND tỉnh Kon Tum: 394,0 ha).

6. Thực trạng đất được UBND tỉnh thu hồi bàn giao về địa phương quản lý

Đối với diện tích đất, được UBND tỉnh thu hồi của các Công ty bàn giao về địa phương quản lý, sử dụng, hầu hết là diện tích đất lâm nghiệp bị chồng lấn, lấn chiếm, hiện người dân đang sử dụng. Quá trình sử dụng đất của nhân dân đã trải qua thời gian dài, về cơ bản các hộ dân đã sử dụng ổn định, một số diện tích đã trồng, hàng năm, cây lâu năm (cao su, cà phê), đất đồi núi, khe suối, đường giao thông và một số còn rừng tự nhiên phục hồi sau nương rẫy.

Hiện trạng sử dụng đất:

- Đất có rừng tự nhiên : 1.156,89 ha.
- Đất có cây rải rác, cây lau, le, lách: 1.582,23 ha
- Đất trồng các loại cây nông nghiệp ngắn ngày : 4.925,57 ha.
- Đất trồng các loại cây cao su, bời lời, cà phê: 889,2 ha.
- Đất trồng: 326,16 ha (chủ yếu là đất dốc, sỏi đá khó canh tác).
- Đất khác: 45,12 ha.

7. Kết quả theo quy hoạch 3 loại rừng và diễn biến rừng năm 2022

TT	Xã, thị trấn	Diện tích bàn giao về địa phương	Diện tích đất có rừng theo diễn biến rừng năm 2021	Diện tích đất không có rừng theo diễn biến rừng năm 2021	Trong Quy hoạch 3 loại rừng	Ngoài quy hoạch 3 loại rừng
1	Xã Đăk Tô Re	1.590,32	150,27	1.440,05	806,46	783,86
2	Xã Đăk Ruông	501,8	9,32	492,48	384,71	117,09
3	Xã Tân Lập	2.355,31	283,35	2.071,96	2.296,00	59,31
4	Xã Đăk Tô Lung	452,76	237,56	215,2	438,34	14,42
5	Xã Đăk Kôi	1.856,22	254,67	1.601,55	1.335,38	520,84
6	Xã Đăk Pnê	1.555,54	378,84	1.176,70	1.541,25	14,29
7	TT. Đăk RVe	613,22	80,44	532,78	613,22	0
	Cộng	8.925,17	1.394,45	7.530,72	7.415,36	1.509,81

PHẦN II NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

Đối với toàn bộ số diện tích đất được UBND tỉnh thu hồi của các Công ty bàn giao về địa phương quản lý, sử dụng, hầu hết là diện tích đất lâm nghiệp bị chồng lấn, lấn chiếm. Quá trình sử dụng đất của người dân đã trải qua thời gian dài, về cơ bản các hộ dân đã sử dụng ổn định, một số diện tích đã trồng cây lâu năm (cao su, cà phê, bời lời...) trong chu kỳ kinh doanh. Do vậy, để sử dụng toàn bộ số diện tích nêu trên đảm bảo đúng quy định, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất và đảm bảo theo quy định của pháp luật. UBND huyện Kon Rẫy xây dựng phương án sử dụng như sau:

I. TÊN GỌI, PHẠM VI, QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN

1. Tên gọi: Phương án bố trí sử dụng đất được UBND tỉnh thu hồi của các tổ chức bàn giao về địa phương quản lý, sử dụng trên địa bàn huyện Kon Rẫy.

2. Phạm vi: Diện tích đất do UBND xã, thị trấn quản lý trên địa bàn huyện Kon Rẫy.

3. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn các xã, thị trấn huyện Kon Rẫy.

4. Thời gian thực hiện: Đến năm 2030.

5. Quy mô: Tổng diện tích đất được UBND tỉnh thu hồi bàn giao về địa phương quản lý là 8.925,17 ha.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Rà soát, xây dựng phương án bố trí sử dụng đất được UBND tỉnh thu hồi bàn giao về địa phương quản lý trên địa bàn huyện Kon Rẫy nhằm:

- Tăng cường công tác quản lý, nắm chắc địa bàn, đồng thời quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả quỹ đất lâm nghiệp. Phối hợp cùng các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện công tác rà soát, khoanh vẽ làm cơ sở lập phương án sử dụng đất có hiệu quả và phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của xã trong thời gian tới.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đất đai, sử dụng tài nguyên đất một cách chủ động, tiết kiệm, có hiệu quả.

- Làm cơ sở cho việc xây dựng và hoàn thiện các chính sách pháp luật về đất đai, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, cung cấp kịp thời những thông tin chi tiết và chính xác về đất đai của huyện.

- Nắm chắc tình hình sử dụng quỹ đất của địa phương mình.

- Thiết lập cơ sở dữ liệu đất đai của đơn vị xã, huyện từng bước hoàn thiện và đưa quản lý đất đai thành nề nếp theo đúng quy định.

2. Yêu cầu

- Công tác quản lý, bố trí sử dụng đất đối với phần diện tích đất được UBND tỉnh thu hồi của các công ty bàn giao về địa phương quản lý, sử dụng phải được tiến hành rà soát, bóc tách, phân loại trên cơ sở đó xây dựng phương án quản lý sử dụng đất.

- Kết quả rà soát, Phương án sử dụng đất được UBND tỉnh thu hồi của các công ty bàn giao về địa phương quản lý, sử dụng phải thể hiện một cách đồng bộ, chính xác được tổng hợp từ cấp xã, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn huyện Kon Rẫy.

III. NHIỆM VỤ CỦA PHƯƠNG ÁN

1. Nhiệm vụ: Nhằm quản lý tốt phần diện tích đất được UBND tỉnh thu hồi của các công ty bàn giao về địa phương quản lý, sử dụng, cần có phương án sử dụng đất cụ thể, xác định việc cầm làm, phải pháp thực hiện, mục đích sử dụng đất hợp lý. Xác định cụ thể từng vị trí khu vực đất để quy hoạch phân chia thành các nhóm đất sử dụng cho các mục đích, cụ thể:

- Phần diện tích có khả năng sản xuất nông nghiệp thì bố trí cho sản xuất nông nghiệp nhằm giải quyết thiếu đất sản xuất cho người dân nhất là người đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo.

- Đối với phần diện tích đất dốc cao quy hoạch bố trí trồng cây lâm nghiệp để giữ đất, tăng hiệu quả sử dụng đất; diện tích khoanh nuôi bảo vệ, phát triển rừng.

- Phần diện tích đất có khả năng phát triển sản xuất, thu hút đầu tư thì xác định bố trí quỹ đất để giới thiệu, bố trí thu hút đầu tư trên địa bàn.

- Đưa vào kế hoạch sử dụng đất cho từng chỉ tiêu sử dụng đất cụ thể, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất trong từng giai đoạn để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng.

* Đến năm 2030, bố trí sử dụng đất UBND tỉnh thu hồi giao về địa phương theo mục đích sử dụng trên địa bàn huyện là **8.925,17** ha. Cụ thể:

- Bố trí quỹ đất phi nông nghiệp tại xã Đăk Tô Re (trường học, nghĩa trang...): **18,07 ha**

- Bố trí quỹ đất công ích: **2,19 ha**;

- Bố trí đất thu hút đầu tư (dịch vụ du lịch; phát triển dự án...): **512,65 ha**;

- Bố trí đất sản xuất nông nghiệp: **4.897,12 ha**;

- Bố trí để khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh rừng: **689,4 ha**;

- Bố trí để Quản lý bảo vệ rừng: **1.156,89 ha**;

- Bố trí để trồng rừng sản xuất: **1.640,80 ha**;

* Bố trí từng loại đất sử dụng đất theo khu vực hành chính:

TT	Loại đất	Tổng huyện	Tỉ lệ (%)	Xã Đăk Tô Re	Xã Đăk Ruồng	Xã Tân Lập	Xã Đăk Tô Lung	Xã Đăk Kôi	Xã Đăk Pnê	TT. Đăk Rve
1	Bố trí quỹ đất phi nông nghiệp	18,07	0,20	18,07	0	0	0	0	0	0
2	Bố trí quỹ đất công ích	2,19	0,02	0	0	0	0	2,19	0	0
3	Bố trí đất thu hút đầu tư (dịch vụ du lịch; dự án...)	512,65	5,74	5,12	97,19	0	238,03	159,22	6,45	6,64
4	Bố trí đất sản xuất nông nghiệp	4.897,12	54,87	836,14	147,58	1.244,54	182,69	1.182,73	925,58	377,86
5	Quản lý bảo vệ và Phát triển rừng	3.495,14	39,16	730,99	257,03	1.110,77	32,04	512,08	623,51	228,72
5.1	Bố trí để khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh rừng	689,4		107,23	32,81	228,81	0	162,24	119,09	39,22

5.2	Bố trí để Quản lý bảo vệ rừng	1.156,89		150,27	9,32	283,35	0	254,67	378,84	80,44
5.3	Bố trí để trồng rừng sản xuất	1.648,85		473,49	214,9	598,61	32,04	95,17	125,58	109,06
TỔNG CỘNG		8.925,17	100,00	1.590,32	501,80	2.355,31	452,76	1.856,22	1.555,54	613,22

(Có bản đồ vị trí, bố trí loại đất kèm theo)

2. Hình thức thực hiện

2.1. Đối tượng giao đất sản xuất nông nghiệp; giao rừng, cho thuê rừng gắn với giao đất, cho thuê đất, gồm:

- Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản.
- Cộng đồng dân cư sử dụng đất nông nghiệp.
- Quá trình giao đất có xem xét ưu tiên cho hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất sản xuất, hộ nghèo, cận nghèo có hộ khẩu thường trú tại địa phương nơi có đất.

2.2. Hình thức

+ Đối với diện tích đất sản xuất nông nghiệp (trồng cây hàng năm, cây lâu năm); đất quy hoạch lâm nghiệp (trồng rừng):

- Giao đất không thu tiền sử dụng đất (đảm bảo điều kiện theo quy định của Luật đất đai);

- Giao đất với hình thức nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm hoặc trả một lần cho cả thời gian thuê đất; hoặc thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.

+ Đối với diện tích đất có rừng tự nhiên, cây rừng phục hồi sau nương rẫy: Giao cho cộng đồng dân cư quản lý, bảo vệ phát triển rừng; để khoanh nuôi tái sinh rừng.

2.3. Thời hạn giao, cho thuê đất: không quá 50 năm.

2.4. Trình tự thủ tục giao đất: thực hiện theo qui định của Pháp luật về đất đai.

3. Kinh phí tổ chức thực hiện

- Đối với số diện tích dự kiến xây dựng kế hoạch giao rừng cho thuê rừng gắn với giao đất, cho thuê đất và số diện tích dự kiến trồng rừng để giao cho cộng đồng dân cư quản lý bảo vệ, sử dụng kinh phí do Ngân sách Nhà nước tổ chức thực hiện. Đối với số diện tích đất đủ điều kiện giao đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp cho người dân người dân tự bỏ kinh phí để thuê đơn vị tư vấn có chức năng tổ chức trích đo địa chính theo hình thức dịch vụ công theo

Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Kon Tum đối với thửa đất được cấp có thẩm quyền giao.

- Đối với số diện tích dự kiến đề nghị cấp có thẩm quyền giao cho nhà đầu tư để thực hiện dự án: nhà đầu tư tự bỏ kinh phí đo đạc, lập hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền cho thuê đất đảm bảo theo qui định của Pháp luật.

4. Đánh giá sơ bộ hiệu quả đem lại sau khi thực hiện phương án

4.1. Về kinh tế: Khắc phục tình trạng đất đai chậm đưa vào sử dụng, sử dụng không đúng mục đích; đảm bảo nguồn lực đất đai được sử dụng và phát huy hiệu quả sử dụng đất, thu hút đầu tư phát triển kinh tế trên địa bàn, tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận và sử dụng đất tốt hơn, đất đai sẽ được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững hơn, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của địa phương.

4.2. Về xã hội

Giải quyết thiếu đất sản xuất cho người dân nhất là người đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo. Tạo công ăn việc làm cho người lao động, thu hút người dân sống gần rừng tham gia vào sản xuất lâm nghiệp, tạo thêm thu nhập, thoát nghèo bền vững, góp phần ổn định đời sống nhân dân, đặc biệt là các hộ người đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu vùng xa,.

4.3. Về Môi trường: Góp phần tăng độ che phủ trên cơ sở trồng rừng, khoanh nuôi phục hồi rừng, cải thiện môi trường, tăng cường khả năng phòng hộ đầu nguồn cho các thủy điện như Ya ly, Sê san 3, Sê san 3A, Sê san 4, Pleikrông và một số thủy điện nhỏ, góp phần thực hiện thắng lợi chương trình mục tiêu quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính, tăng trưởng xanh tiến đến tiếp cận thị trường tín chỉ cacbon.

4.4. Về quốc phòng - an ninh

Việc giải quyết kịp thời đất sản xuất cho người dân giảm tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện liên quan đến đất đai, an ninh trật tự được đảm bảo; qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn.

PHẦN III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ nội dung Phương án này giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt một số nội dung sau:

1. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Tham mưu UBND huyện trình xin ý kiến Ban Thường vụ Huyện ủy, trình HĐND huyện có ý kiến, kịp thời hoàn thiện và tham mưu UBND huyện gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt phương án để tổ chức thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với đơn vị tư vấn và UBND các xã, thị trấn trong việc tổ chức đo đạc bản đồ địa chính (*trong trường hợp kinh phí nhà nước phân bổ*) đăng ký, thống kê đối tượng sử dụng; đồng thời rà soát các hộ thiếu đất sản xuất trên địa bàn huyện theo quy định để ưu tiên, bố trí đất sản xuất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân thiếu đất, đặc biệt là các hộ nghèo, hộ là người dân tộc thiểu số.

- Hướng dẫn các địa phương thực hiện trình tự thủ tục về đất đai theo đúng qui định của Pháp luật.

2. Hạt Kiểm lâm: Chủ trì phối hợp với phòng Tài nguyên và môi trường, UBND các xã, thị trấn tham mưu UBND huyện đề nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh Quy hoạch Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2020 đối với phần diện tích đất dự kiến bố trí đất để trồng cây hàng năm, cây lâu năm, thu hút đầu tư, đầu tư hạ tầng, làm nghĩa trang.

3. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện

- Phối hợp với Phòng Tài nguyên và môi trường huyện trong việc hướng dẫn công dân thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai (*trong trường hợp kinh phí nhà nước không bố trí kinh phí để đo đạc bản đồ địa chính*) theo đúng trình tự thủ tục về đất đai đảm bảo đúng qui định.

- Cập nhật dữ liệu địa chính trong trường hợp được đo đạc địa chính phục vụ cho việc giao đất sản xuất nông nghiệp, giao rừng để quản lý, bảo vệ.

- In giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*trong trường hợp người dân thuê đơn vị có chức năng trích đo địa chính thửa đất*) chuyển đến Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện để tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đảm bảo theo qui định.

4. Phòng Nông nghiệp và PTNT: Phối hợp với phòng Tài nguyên và môi trường, Hạt kiểm lâm trong quá trình điều tra, rà soát diện tích đất lâm nghiệp không có rừng trên địa bàn các xã. Từ đó, tham mưu cho UBND huyện trong việc bố trí cây trồng phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng xã.

5. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện

- Tham mưu UBND huyện kiến nghị với cấp có thẩm quyền hoặc chủ động cân đối từ nguồn ngân sách huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác để bố trí, phục vụ cho công tác đo đạc địa chính, đăng ký thống kê làm cơ sở cho việc giao đất sản xuất nông nghiệp, giao khoán rừng, đất rừng để quản lý, bảo vệ theo phương án được phê duyệt.

- Tham mưu bố trí nguồn kinh phí để tổ chức phương án trồng rừng.

6. UBND các xã, thị trấn

- Giao UBND các xã, thị trấn có đất được bàn giao về địa phương quản lý, sử dụng tổ chức tuyên truyền cho Nhân dân trên địa bàn được biết đôi với nội dung phương án. Tổ chức thông báo rộng rãi để nhân dân được biết, để chủ động đăng ký kê khai việc sử dụng đất.

- Chủ trì phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường, Hạt kiểm lâm kiểm tra, xác minh nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trên diện tích đất, trong quá trình điều tra, bố trí sử dụng đất rà soát các hộ thiếu đất sản xuất trên địa bàn huyện theo quy định.

- Trên cơ sở phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc tổ chức đo đạc (*nếu kinh phí Nhà nước bố trí*), thống kê, rà soát đối tượng sử dụng; chủ động bố trí kinh phí từ nguồn dịch vụ môi trường rừng để tổ chức trồng rừng theo phương án được phê duyệt.

7. Các cơ quan, đơn vị liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp, tham mưu UBND huyện tổ chức thực hiện Phương án có hiệu quả.

PHẦN IV KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện phương án bố trí sử dụng đất được UBND tỉnh thu hồi của các công ty bàn giao về địa phương quản lý, sử dụng là nhiệm vụ quan trọng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện, đồng thời tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn huyện.

II. KIẾN NGHỊ

Để phương án bố trí sử dụng đất được UBND tỉnh thu hồi của các công ty bàn giao về địa phương quản lý, sử dụng có tính khả thi và sớm được tổ chức triển khai thực hiện. Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh thẩm định và tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt đề huyện có cơ sở tổ chức triển khai thực hiện.